**Sở Giáo dục và Đào tạo ...**

**Đề thi Học kì 1 - Cánh diều**

**Năm học 2024 - 2025**

**Môn: Địa Lí 11**

*Thời gian làm bài: phút*

Câu 1. Quốc gia nào sau đây ở khu vực Tây Nam Á có diện tích lớn nhất?

A. Cô-oét.

B. Thổ Nhĩ Kỳ.

C. Ba-ranh.

D. A-rập Xê-út.

Câu 2. Kênh đào nổi tiếng và nối liền Địa Trung Hải với Ấn Độ Dương ở khu vực Tây Nam Á là

A. Pa-na-ma.

B. Xuy-ê.

C. Grand.

D. Kiel.

Câu 3. Khu vực Tây Nam Á có quy mô GDP

A. tăng liên tục.

B. giảm liên tục.

C. khá ổn định.

D. luôn luôn âm.

Câu 4. Năm 2020, GDP của khu vực Tây Nam Á chiếm khoảng

A. 3,8% GDP toàn thế giới.

B. 3,7% GDP toàn thế giới.

C. 3,6% GDP toàn thế giới.

D. 3,9% GDP toàn thế giới.

Câu 5. Cộng đồng Kinh tế châu Âu được viết tắt theo tên tiếng anh là

A. EC.

B. EEC.

C. EU.

D. WB.

Câu 6. Quốc gia nào sau đây **không**tham gia thành lập nên Cộng đồng Than Thép châu Âu?

A. Anh.

B. Pháp.

C. Bỉ.

D. Đức.

Câu 7. Các quốc gia nào sau đây thành lập Cộng đồng Than Thép châu Âu?

A. Pháp, Đức, I-ta-li-a, Bỉ, Hà Lan, Lúc-xăm-bua.

B. Anh, Đức, Thụy Điển, Bỉ, Hà Lan, Lúc-xăm-bua.

C. Pháp, Ba Lan, I-ta-li-a, Bỉ, Hà Lan, Đan Mạch.

D. Tây Ban Nha, Đức, I-ta-li-a, Bỉ, Áo, Lúc- xăm-bua.

Câu 8. Khu vực Đông Nam Á bao gồm có

A. 12 quốc gia.

B. 11 quốc gia.

C. 10 quốc gia.

D. 13 quốc gia.

Câu 9. Phần đất liền của khu vực Đông Nam Á mang tên là

A. bán đảo Đông Dương.

B. bán đảo Mã Lai.

C. bán đảo Trung - Ấn.

D. bán đảo Tiểu Á.

Câu 10. Đông Nam Á có những loại khoáng sản chủ yếu nào sau đây?

A. Than, dầu mỏ, thiếc, vàng, manga và sắt.

B. Dầu mỏ, khí tự nhiên, sắt, đồng và apatit.

C. Than đá, sắt, bô-xít, dầu mỏ, khí tự nhiên.

D. Dầu mỏ, khí đốt, than, kim cương, vàng.

Câu 11. Ở khu vực Đông Nam Á, nước có trên 80% dân số theo Thiên Chúa giáo là

A. Phi-líp-pin.

B. Việt Nam.

C. Thái Lan.

D. In-đô-nê-xi-a.

Câu 12. Năm 2021, Liên minh châu Âu có tất cả bao nhiêu thành viên?

A. 26.

B. 27.

C. 28.

D. 25.

Câu 13. Dân số Đông Nam Á hiện nay có đặc điểm là

A. quy mô lớn và tỉ lệ gia tăng dân số giảm.

B. tỉ suất gia tăng tự nhiên ngày càng tăng.

C. dân số đông, người già trong dân số nhiều.

D. tỉ lệ người di cư đến hàng năm rất lớn.

Câu 14. Quốc gia nào sau đây nằm ở bộ phận Đông Nam Á lục địa?

A. Xin-ga-po.

B. Ma-lai-xi-a.

C. Thái Lan.

D. Phi-lip-pin.

Câu 15. Ở Đông Nam Á, các nước có đông dân cư theo Phật giáo là

A. Lào, Cam-pu-chia, Mi-an-ma, Thái Lan, Ma-lai-xi-a.

B. Lào, Cam-pu-chia, Mi-an-ma, Thái Lan, Việt Nam.

C. Lào, Cam-pu-chia, Mi-an-ma, Thái Lan, Bru-nây.

D. Lào, Cam-pu-chia, Mi-an-ma, Thái Lan, Xin-ga-po.

Câu 16. Điều kiện thuận lợi để phát triển nuôi trồng thủy sản nước mặn ở nhiều nước Đông Nam Á là có nhiều

A. sông, hồ, bãi triều.

B. bãi triều, vũng, vịnh.

C. vũng, vịnh, sông, hồ.

D. bãi triều, đầm phá.

Câu 17. Quốc gia nào sau đây đứng đầu về sản lượng cá khai thác ở khu vực Đông Nam Á những năm gần đây?

A. Việt Nam.

B. Phi-lip-pin.

C. Ma-lai-xi-a.

D. In-đô-nê-xi-a.

Câu 18. Các quốc gia nào sau đây ở khu vực Đông Nam Á nuôi nhiều gia súc lớn?

A. Mi-an-ma, In-đô-nê-xi-a, Việt Nam, Bru-nây.

B. In-đô-nê-xi-a, Thái Lan, Việt Nam, Phi-lip-pin.

C. Mi-an-ma, Phi-lip-pin, Thái Lan và Việt Nam.

D. Phi-lip-pin, In-đô-nê-xi-a, Thái Lan, Xin-ga-po.

Câu 19. Việt Nam chính thức gia nhập ASEAN vào năm

A. 1967.

B. 1984.

C. 1995.

D. 1997.

Câu 20. Quốc gia nào sau đây**không** phải nước đầu tiên tham gia thành lập ASEAN?

A. Thái Lan.

B. Việt Nam.

C. Xin-ga-po.

D. Phi-lip-pin.

Câu 21. Cho đến năm 2020, quốc gia nào sau đây trong khu vực Đông Nam Á chưa gia nhập ASEAN?

A. Đông Ti-mo.

B. Lào.

C. Mi-an-ma.

D. Bru-nây.

Câu 22. Cơ chế hợp tác về phát triển kinh tế trong khối ASEAN **không** phải là

A. thông qua các diễn đàn, hội nghị.

B. thông qua các hiệp ước, hiệp định.

C. thông qua các dự án, chương trình.

D. các chuyến thăm nguyên thủ quốc gia.

Câu 23. Khó khăn chủ yếu của vị trí địa lí ở Tây Nam Á đối với phát triển kinh tế - xã hội là

A. khí hậu khắc nghiệt, tranh chấp biên giới.

B. thiên tai tự nhiên, động đất xảy ra nhiều.

C. thời tiết thất thường, dân số tăng rất nhanh.

D. ô nhiễm môi trường, suy thoái tài nguyên.

Câu 24. Phát biểu nào sau đây **không** đúng với Tây Nam Á?

A. Là khu vực có số dân trên một ngàn triệu người.

B. Thời cổ đại có nhiều quốc gia với văn minh rực rỡ.

C. Nhiều tôn giáo có ảnh hưởng rất lớn ra đời ở đây.

D. Đạo Hồi có ảnh hưởng rất sâu, rộng trong khu vực.

Câu 25. Quốc gia nào sau đây **không**thuộc Tây Nam Á?

A. Thổ Nhĩ Kỳ.

B. A-rập Xê-út.

C. Ai Cập.

D. Áp-ga-ni-xtan.

Câu 26. Các nước có diện tích lớn vào hàng đầu Tây Nam Á là

A. I-ran, A-rập Xê-út.

B. A-rập Xê-út, I-rắc.

C. I-rắc, Thổ Nhĩ Kì.

D. Áp-ga-ni-xtan, I-ran.

Câu 27. Biển nào sau đây giáp Tây Nam Á có diện tích lớn nhất?

A. Biển Đỏ.

B. Biển Aráp.

C. Biển Caxpi.

D. Địa Trung Hải.

Câu 28. Năm 2020, quốc gia nào sau đây ở khu vực Tây Nam Á có GDP/người cao nhất?

A. A-rập Xê-út.

B. Thổ Nhĩ Kỳ.

C. I-xra-en.

D. Ác-mê-ni-a.

Câu 29. Loại hình vận tải nào sau đây phát triển mạnh nhất ở khu vực Tây Nam Á?

A. Đường bộ.

B. Đường biển.

C. Đường sắt.

D. Đường sông.

Câu 30. Ngành dịch vụ mới phát triển mạnh ở khu vực Tây Nam Á là

A. du lịch.

B. nội thương.

C. chăn nuôi.

D. trồng trọt.

Câu 31. Quốc gia nào sau đây ở khu vực Tây Nam Á có nền nông nghiệp công nghệ cao phát triển?

A. Cô-oét.

B. Y-ê-men.

C. I-xra-en.

D. Li-băng.

Câu 32. Một chiếc ô tô của Bồ Đào Nha bán sang các quốc gia khác trong Liên minh châu Âu không phải nộp thuế là biểu hiện của

A. tự do lưu thông hàng hóa.

B. tự do di chuyển.

C. tự do lưu thông dịch vụ.

D. tự do lưu thông tiền vốn.

Câu 33. Một công ty vận tải ở Tây Ban Nha có thể đảm nhận một hợp đồng ở bên trong nước Pháp như một công ty tại Pháp, đó là biểu hiện của tự do nào sau đây?

A. Tự do lưu thông hàng hóa.

B. Tự do di chuyển.

C. Tự do lưu thông dịch vụ.

D. Tự do lưu thông tiền vốn.

Câu 34. Nhờ sử dụng đồng tiền chung châu Âu, các nước thành viên Liên minh châu Âu hạn chế được

A. sức cạnh tranh của hàng nhập.

B. thời gian khi chuyển giao vốn.

C. hàng rào thuế quan của các nước.

D. rủi ro khi chuyển đổi tiền tệ.

Câu 35. Lượng điện tiêu dùng bình quân theo đầu người ở các nước Đông Nam Á hiện nay còn thấp là biểu hiện của việc

A. chất lượng cuộc sống người dân chưa cao.

B. công nghiệp năng lượng chậm phát triển.

C. tỉ trọng dân cư nông thôn lớn hơn thành thị.

D. ngành công nghiệp phát triển còn hạn chế.

Câu 36. Mục đích của phát triển dịch vụ ở các nước Đông Nam Á**không** phải là

A. phục vụ sản xuất.

B. phục vụ đời sống.

C. hấp dẫn đầu tư.

D. thu hút nhập cư.

Câu 37. Điều kiện thuận lợi để phát triển nuôi trồng thủy sản nước lợ ở Đông Nam Á là có nhiều

A. bãi triều, đầm phá.

B. đầm phá, cửa sông.

C. cửa sông, vũng, vịnh.

D. vũng, vịnh, bãi triều.

Câu 38. Mục tiêu tổng quát của ASEAN là

A. đoàn kết và hợp tác vì một ASEAN hòa bình, ổn định, cùng phát triển.

B. phát triển kinh tế, giáo dục và tiến bộ xã hội của các quốc gia thành viên.

C. xây dựng ASEAN thành khu vực có tốc độ tăng trưởng kinh tế cao nhất.

D. giải quyết sự khác biệt trong nội bộ liên quan đến mối quan hệ từng nước.

Câu 39. Cơ chế hợp tác của ASEAN rất phong phú và đa dạng là nhằm đích chủ yếu nào sau đây?

A. Đa dạng hóa các mặt về đời sống xã hội.

B. Phát triển kinh tế - xã hội của khu vực.

C. Đảm bảo thực hiện các mục tiêu ASEAN.

D. Tập trung phát triển kinh tế của khu vực.

Câu 40. Đoàn kết và hợp tác vì một ASEAN hòa bình, ổn định, cùng phát triển là

A. mục tiêu cụ thể của từng quốc gia.

B. mục tiêu của ASEAN và các nước.

C. mục tiêu tổng quát của ASEAN.

D. mục tiêu chính sách của ASEAN.

**BẢNG ĐÁP ÁN**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| 1-D | 2-B | 3-A | 4-B | 5-B | 6-A | 7-A | 8-B | 9-C | 10-C |
| 11-A | 12-B | 13-A | 14-C | 15-B | 16-B | 17-D | 18-B | 19-C | 20-B |
| 21-A | 22-D | 23-A | 24-A | 25-C | 26-A | 27-D | 28-C | 29-B | 30-A |
| 31-C | 32-A | 33-C | 34-D | 35-A | 36-D | 37-B | 38-A | 39-C | 40-C |